

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 328/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu
ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh, bao gồm: các khoản thu thuế, phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước (NSNN) và các khoản thu khác của NSNN.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Kho bạc Nhà nước (KBNN);

b) Cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan khác được Chính phủ, Bộ Tài chính giao nhiệm vụ tổ chức thu NSNN;

c) Các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (gọi chung là NHTM);

d) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thuộc NSNN.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. POS: Là tên viết tắt của thiết bị chấp nhận thẻ mà ngân hàng phát hành triển khai tại các điểm chấp nhận thanh toán.

2. TCS: Là tên viết tắt của chương trình ứng dụng thu theo dự án Hiện đại hóa thu NSNN của Bộ Tài chính tại các điểm thu của KBNN.

3. TCS - NHTM: Là tên viết tắt của chương trình ứng dụng thu tại ngân hàng phối hợp thu.

4. Người nộp NSNN: Là người nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN.

5. KBNN cấp tỉnh: Là KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; KBNN cấp huyện là KBNN quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và phòng giao dịch KBNN thuộc KBNN cấp tỉnh.

6. Thời điểm “cut off time”: Là thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán để đối chiếu số liệu thanh toán trong ngày giữa KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý thu ngân sách nhà nước

1. Việc tổ chức thu NSNN được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và quy định khác của pháp luật về thu NSNN. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân, kể cả các tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào NSNN qua tài khoản của KBNN tại NHTM hoặc nộp trực tiếp vào KBNN theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; trường hợp không nộp hoặc chậm nộp mà không được pháp luật cho phép thì bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Về nguyên tắc, các khoản thu NSNN phải được nộp qua ngân hàng hoặc nộp trực tiếp tại KBNN. Trường hợp ở những địa bàn có khó khăn trong việc nộp qua ngân hàng hoặc nộp trực tiếp tại KBNN hoặc không tổ chức thu tiền tại địa điểm làm thủ tục hải quan, thì cơ quan thu được trực tiếp thu hoặc ủy nhiệm cho tổ chức thu tiền mặt từ người nộp NSNN và sau đó, phải nộp đầy đủ, đúng thời hạn vào KBNN theo quy định tại Thông tư này; trường hợp cơ quan Thuế ủy nhiệm thu tiền mặt đối với số thuế phải nộp của các hộ khoán, thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Tổng cục Thuế. Các khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền (trừ các khoản viện trợ nước ngoài trực tiếp cho các dự án) phải chuyển tiền nộp kịp thời vào thu NSNN.

3. Tất cả các khoản thu NSNN được hạch toán bằng đồng Việt Nam, chi tiết theo niên độ ngân sách, mục lục NSNN và được phân chia cho các cấp ngân sách theo tỷ lệ phần trăm (%) do cấp có thẩm quyền quy định. Các khoản thu NSNN bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ tại thời điểm hạch toán.

4. Việc hoàn trả các khoản thu NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này. Quy trình thu, thủ tục thu, nộp, miễn, giảm, hoàn trả các khoản thu NSNN phải được thông báo và niêm yết công khai tại cơ quan thu và KBNN nơi giao dịch trực tiếp với người nộp NSNN.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 PHỐI HỢP THU VÀ ỦY NHIỆM THU, HÌNH THỨC VÀ CHỨNG TỪ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Phối hợp thu và ủy nhiệm thu ngân sách nhà nước

1. KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện tiếp tục thực hiện phối hợp thu và được ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt (kể cả thu phạt vi phạm hành chính) với NHTM nơi KBNN mở tài khoản (tài khoản thanh toán hoặc tài khoản chuyên thu) theo quy định tại Thông tư này và các thỏa thuận phối hợp thu NSNN giữa KBNN, Tổng cục Thuế/Tổng cục Hải quan và NHTM. Cụ thể:

a) Trường hợp tại địa bàn KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện chưa ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt cho NHTM, thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện và các cơ quan Thuế, Hải quan phối hợp thu NSNN với NHTM bằng chuyển khoản;

b) Trường hợp KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện đã ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt, song người nộp NSNN vẫn đến KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện để nộp NSNN, thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện vẫn phải thực hiện thu tiền mặt từ người nộp NSNN;

c) Trường hợp KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện thay đổi NHTM nơi mở tài khoản hoặc thành lập đơn vị KBNN mới (do chia tách, sát nhập địa bàn), thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện phải thực hiện phối hợp thu NSNN với NHTM nơi mới mở tài khoản; đồng thời, có văn bản đề nghị hủy bỏ phối hợp thu NSNN với NHTM nơi mở tài khoản cũ;

d) KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện thực hiện mở tài khoản chuyên thu tại NHTM để thực hiện phối hợp thu và ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các NHTM.

2. Việc ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt cho NHTM nơi KBNN (cấp tỉnh, cấp huyện) mở tài khoản do Giám đốc KBNN cấp tỉnh quyết định.

Điều 5. Các hình thức thu ngân sách nhà nước

1. Thu bằng chuyển khoản:

a) Thu bằng chuyển khoản từ tài khoản của người nộp NSNN tại ngân hàng, ngân hàng thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN chuyển vào tài khoản của KBNN để ghi thu NSNN;

b) Thu bằng chuyển khoản từ tài khoản của người nộp NSNN tại KBNN, KBNN thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN để ghi thu NSNN;

c) Thu bằng phương thức điện tử, bao gồm:

- Qua dịch vụ nộp thuế điện tử trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế hoặc cổng thanh toán điện tử của Tổng cục Hải quan;

- Qua dịch vụ thanh toán điện tử của NHTM như ATM, Internet banking, Mobile banking, POS hoặc các hình thức thanh toán điện tử khác.

2. Thu bằng tiền mặt:

a) Thu bằng tiền mặt trực tiếp tại KBNN;

b) Thu bằng tiền mặt tại NHTM để chuyển nộp vào tài khoản của KBNN;

c) Thu bằng tiền mặt qua cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu. Hình thức này được áp dụng đối với các khoản thuế, phí, lệ phí của các hộ kinh doanh không cố định, không thường xuyên, không có tài khoản tại KBNN hoặc NHTM và có khó khăn trong việc nộp tiền vào KBNN (do ở xa điểm thu của KBNN hoặc xa NHTM); hoặc người nộp NSNN nộp tiền mặt tại điểm làm thủ tục hải quan, nhưng tại địa điểm đó KBNN hoặc NHTM nơi KBNN mở tài khoản không tổ chức điểm thu; hoặc cơ quan Thuế ủy nhiệm thu tiền mặt đối với số thuế phải nộp của các hộ khoán. Cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu có trách nhiệm thu tiền từ người nộp NSNN, sau đó nộp toàn bộ số tiền đã thu được vào KBNN hoặc NHTM nơi KBNN mở tài khoản theo đúng thời hạn quy định;

d) Thu qua các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thu phạt trực tiếp hoặc được ủy nhiệm thu phạt theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn Luật;

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã được phép thu các khoản thuộc nhiệm vụ thu của ngân sách cấp xã; sau đó, làm thủ tục nộp tiền vào KBNN cấp huyện hoặc nộp vào quỹ của ngân sách xã để chi theo chế độ quy định (trường hợp các xã ở vùng sâu, vùng xa chưa có điều kiện giao dịch thường xuyên với KBNN). Việc tổ chức thu, nộp ngân sách xã được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Chứng từ thu ngân sách nhà nước

1. Các loại chứng từ thu NSNN:

a) **Lệnh thu NSNN:** Là chứng từ do cơ quan thu phát hành (mẫu số C1-01/NS ban hành kèm theo Thông tư này) yêu cầu KBNN, NHTM nơi người có nghĩa vụ nộp NSNN mở tài khoản thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN để nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và Luật Quản lý thuế;

b) **Giấy nộp tiền vào NSNN:** Được thực hiện theo mẫu số C1-02/NS ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu nộp NSNN đối với các khoản thuế và thu nội địa (sau đây gọi tắt là Thông tư số 84/2016/TT-BTC);

c) **Bảng kê nộp thuế:** Được thực hiện theo mẫu số 01/BKNT ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC;

d) **Biên lai thu phí, lệ phí, thu phạt vi phạm hành chính:** Được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc NSNN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 153/2012/TT-BTC); Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ NSNN bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 153/2013/TT-BTC); Thông tư số 105/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2013/TT-BTC. Trường hợp KBNN lập và in biên lai thu từ chương trình máy tính hoặc cho phép NHTM nơi KBNN mở tài khoản được lập và in biên lai thu từ chương trình máy tính, mẫu biên lai thu in từ chương trình do KBNN quy định, phù hợp với quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC;

đ) **Các chứng từ rút tiền từ tài khoản của đơn vị tại KBNN để nộp NSNN (Giấy rút dự toán NSNN; Giấy rút vốn đầu tư; Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử):** Được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

e) **Chứng từ giao dịch của ngân hàng (ủy nhiệm chi; giấy nộp tiền mặt vào tài khoản):** Là các chứng từ dùng cho người nộp NSNN để trích tài khoản của mình hoặc nộp tiền mặt để chuyển nộp NSNN vào tài khoản của KBNN tại ngân hàng. Biểu mẫu chứng từ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và NHTM nơi thực hiện giao dịch nộp NSNN.

2. Việc lập, kiểm soát, luân chuyển, phục hồi và lưu trữ chứng từ thu NSNN tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật. Ngoài các nội dung chủ yếu trên chứng từ thu NSNN theo mẫu quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này, cơ quan, tổ chức thu tiền có thể tạo thêm thông tin về mã vạch, hình nền biểu tượng

(lô gô) của cơ quan, tổ chức thu; các thông tin tạo thêm phải đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, không che khuất, làm mờ các nội dung phải có trên chứng từ thu NSNN.

3. Việc sử dụng con dấu đóng trên Giấy nộp tiền vào NSNN đối với trường hợp nộp NSNN tại KBNN được quy định như sau:

a) Trường hợp nộp NSNN trực tiếp tại trụ sở KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện: Đóng dấu “Kế toán KBNN” (trừ trường hợp thu tại điểm giao dịch KBNN và thu tại Phòng giao dịch KBNN);

b) Trường hợp nộp NSNN tại Phòng giao dịch KBNN thuộc KBNN cấp tỉnh: Đóng dấu của Phòng giao dịch KBNN;

c) Trường hợp nộp NSNN tại điểm giao dịch KBNN: Đóng dấu của điểm giao dịch KBNN.

Mục 2

QUY TRÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Thu ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam

1. Thu NSNN do cơ quan Thuế, Hải quan quản lý

a) Đối với các khoản thu NSNN do cơ quan Hải quan quản lý: Được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định thủ tục về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, tiền phí, lệ phí, các khoản thu khác, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (sau đây gọi tắt là Thông tư số 184/2015/TT-BTC) hoặc các văn bản thay thế;

b) Đối với các khoản thu NSNN do cơ quan Thuế quản lý: Được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 84/2016/TT-BTC hoặc các văn bản thay thế.

2. Thu NSNN do cơ quan tài chính hoặc cơ quan thu khác quản lý: Quy trình thu NSNN bằng Bảng kê nộp thuế (tại NHTM hoặc KBNN) hoặc các chứng từ rút tiền từ tài khoản của đơn vị tại KBNN để nộp NSNN hoặc các chứng từ giao dịch của ngân hàng để nộp tiền vào tài khoản của KBNN hoặc thu qua các dịch vụ thanh toán điện tử của NHTM được thực hiện tương tự quy trình hướng dẫn tại Thông tư số 84/2016/TT-BTC (NHTM hoặc KBNN khi làm thủ tục thu tiền từ người nộp NSNN không phải đối chiếu dữ liệu người nộp NSNN kê khai trên chứng từ nộp tiền với dữ liệu trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế).

3. Thu NSNN bằng biên lai thu tại NHTM nơi KBNN mở tài khoản:

a) KBNN thực hiện ủy nhiệm thu phí, lệ phí, thu phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu cho NHTM nơi KBNN mở tài khoản đảm nhận (NHTM ủy nhiệm thu) theo các phương thức:

- Sử dụng biên lai thu lập thủ công: KBNN ký văn bản thỏa thuận ủy nhiệm thu và giao biên lai thu (loại biên lai thu không in sẵn mệnh giá, khi sử dụng phải viết tay) cho NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) để tổ chức thu tiền từ người nộp NSNN. NHTM có trách nhiệm tuân thủ đúng chế độ quản lý, sử dụng, quyết toán biên lai thu của Bộ Tài chính và các điều khoản trong thỏa thuận với KBNN.

- Sử dụng biên lai thu được lập và được in từ chương trình TCS - NHTM: KBNN ký thỏa thuận ủy nhiệm thu và cho phép NHTM (nơi nhận ủy nhiệm) được in biên lai thu từ chương trình TCS - NHTM để tổ chức thu tiền từ người nộp NSNN.

b) Khi người nộp NSNN đến nộp tiền, NHTM lập biên lai thu để thu tiền và xử lý các liên biên lai theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC và Thông tư số 153/2013/TT-BTC. Cuối ngày, NHTM tập hợp các biên lai thu trong ngày để lập 01 liên Bảng kê thu tiền phạt (mẫu số 02/BKTP ban hành kèm theo Thông tư này); đồng thời, lập 01 liên Giấy nộp tiền vào NSNN.

Căn cứ Giấy nộp tiền vào NSNN, NHTM hạch toán và lưu cùng Bảng kê thu tiền phạt; sau đó, NHTM thực hiện truyền dữ liệu thu cho KBNN (Giấy nộp tiền vào NSNN, Biên lai thu, Bảng kê thu tiền phạt) theo thỏa thuận phối hợp thu NSNN với KBNN;

c) Căn cứ dữ liệu thu NSNN do NHTM chuyển đến, KBNN in phục hồi 01 liên Bảng kê Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số C1-06/NS ban hành kèm theo Thông tư này), 01 liên Bảng kê thu tiền phạt để làm căn cứ hạch toán thu NSNN và lưu;

d) KBNN chủ trì phối hợp với NHTM nơi KBNN mở tài khoản hướng dẫn chi tiết quy trình ủy nhiệm thu NSNN bằng biên lai thu.

4. Thu NSNN bằng biên lai thu tại KBNN:

a) KBNN được sử dụng biên lai thu không in sẵn mệnh giá, biên lai thu lập và in từ chương trình máy tính để thu một số khoản phí, lệ phí, tiền phạt vi phạm hành chính. Mẫu biên lai, số liên biên lai và quy trình luân chuyển các liên biên lai thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC, Thông tư số 153/2013/TT-BTC và hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Khi người nộp NSNN đến nộp tiền, KBNN lập biên lai thu để thu tiền và xử lý các liên biên lai theo quy định. Cuối ngày làm việc, KBNN tập hợp các biên lai đã thu trong ngày để lập 01 liên Bảng kê biên lai thu theo mẫu số 02/BK-BLT ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp sử dụng biên lai thu lập thủ công); hoặc lập 01 liên Bảng kê thu tiền phạt (đối với trường hợp sử dụng biên lai thu được lập và được in từ chương trình TCS); đồng thời, lập 01 liên Giấy nộp tiền vào NSNN.

Căn cứ Giấy nộp tiền vào NSNN, KBNN thực hiện hạch toán thu NSNN và lưu cùng với 01 liên Bảng kê biên lai thu (hoặc 01 liên Bảng kê thu tiền phạt) tương ứng và các liên biên lai thu.

5. Thu NSNN qua POS lắp đặt tại KBNN:

a) KBNN phối hợp với NHTM nơi KBNN mở tài khoản thực hiện thu NSNN thông qua điểm POS của NHTM lắp đặt tại KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện theo nguyên tắc tự nguyện khi có đề nghị từ người nộp NSNN (người có thẻ thanh toán); KBNN không thu bất kỳ khoản phí nào từ người nộp NSNN qua máy POS;

b) Quy trình thu NSNN: KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện làm thủ tục thu NSNN theo quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 4 Điều này; đồng thời, thực hiện quy trình xử lý thẻ thanh toán theo thỏa thuận phối hợp thu NSNN qua POS giữa KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản.

6. Thu phạt vi phạm hành chính của người nộp phạt mở tài khoản tại NHTM hoặc KBNN: Căn cứ chứng từ trích tài khoản của người nộp phạt, NHTM hoặc KBNN làm thủ tục trích chuyển tiền vào tài khoản của KBNN tại ngân hàng (trường hợp người nộp phạt mở tài khoản tại NHTM) hoặc trích chuyển vào tài khoản thu NSNN (trường hợp người nộp phạt mở tài khoản tại KBNN); đồng thời, trả lại người nộp phạt 01 liên chứng từ (để xác nhận số tiền phạt đã thu).

7. Thu NSNN qua cơ quan thu

a) Các cơ quan thu, tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu (gọi chung là cơ quan thu) khi thu tiền mặt trực tiếp từ người nộp NSNN phải sử dụng biên lai thu theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC và Thông tư số 153/2013/TT-BTC;

b) Cuối ngày hoặc định kỳ, cơ quan thu lập Bảng kê biên lai thu (mẫu số 02/BK-BLT hoặc mẫu số 03/BK-BLMG đối với biên lai thu in sẵn mệnh giá ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc Bảng kê thu tiền phạt (trong trường hợp thu phạt). Căn cứ Bảng kê biên lai thu hoặc Bảng kê thu tiền phạt, cơ quan thu lập Bảng kê nộp thuế để làm thủ tục nộp toàn bộ số tiền đã thu vào trụ sở KBNN hoặc nộp vào tài khoản của KBNN tại NHTM.

Đối với các tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu thì phải lập 02 liên Bảng kê biên lai thu: 01 liên lưu tại tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu, 01 liên gửi cơ quan ủy nhiệm thu để theo dõi, kiểm tra, đối chiếu;

c) Cơ quan thu và KBNN đồng cấp thống nhất quy định kỳ hạn nộp tiền vào KBNN hoặc NHTM nơi KBNN mở tài khoản (hàng ngày hoặc chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày thu, tùy theo doanh số thu và điều kiện địa bàn cụ thể);

d) Định kỳ, cơ quan sử dụng biên lai quyết toán biên lai thu với cơ quan cấp biên lai, đảm bảo khớp đúng giữa số biên lai đã sử dụng, số biên lai hủy, số còn lại chưa sử dụng, số tiền đã thu và nộp vào NSNN, đối chiếu giữa Bảng kê biên lai thu (hoặc Bảng kê thu tiền phạt) và các liên Giấy nộp tiền vào NSNN.

Điều 8. Thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ

1. Nguyên tắc quản lý:

a) Các khoản thu NSNN bằng ngoại tệ (không kể các khoản viện trợ nước ngoài trực tiếp cho các dự án) được tập trung về quỹ ngoại tệ của NSNN, thống

nhất quản lý tại KBNN (Trung ương). Số thu NSNN bằng ngoại tệ được ghi thu quỹ ngoại tệ của NSNN (theo nguyên tệ); đồng thời, quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ để hạch toán thu NSNN và phân chia cho ngân sách các cấp theo chế độ quy định;

b) Toàn bộ số thu NSNN bằng ngoại tệ phát sinh tại địa phương phải gửi vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của KBNN cấp tỉnh; trường hợp có phát sinh các khoản thu NSNN bằng ngoại tệ, song KBNN cấp tỉnh chưa có tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng, thì KBNN cấp tỉnh làm thủ tục mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các NHTM để tiếp nhận các khoản thu trên. Số thu ngoại tệ tại địa phương được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ để hạch toán thu NSNN và phân chia cho ngân sách các cấp. Tối đa không quá 01 tháng hoặc khi tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ có số dư nguyên tệ hoặc quy đổi lớn hơn 01 triệu USD, KBNN cấp tỉnh phải làm thủ tục chuyển toàn bộ số thu NSNN bằng ngoại tệ phát sinh tại địa phương về quỹ ngoại tệ của NSNN tại Trung ương;

c) Quỹ ngoại tệ của NSNN được sử dụng để thanh toán, chi trả các khoản chi NSNN bằng ngoại tệ. Phần ngoại tệ còn lại, KBNN (Trung ương) được phép bán cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Hết năm, vào thời gian chính lý quyết toán, KBNN (Trung ương) tổng hợp chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và phối hợp với Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính để xử lý;

d) Tỷ giá hạch toán ngoại tệ hàng tháng được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước đối với các nghiệp vụ quy đổi và hạch toán thu, chi NSNN bằng ngoại tệ; quy đổi và hạch toán kế toán của KBNN;

đ) Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Tổng Giám đốc KBNN xác định và thông báo tỷ giá hạch toán ngoại tệ hàng tháng. Cụ thể:

- Tỷ giá hạch toán giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ được tính bình quân theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp trong thời gian 30 ngày trước ngày thông báo.

- Tỷ giá hạch toán giữa đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ khác được tính thông qua đồng đô la Mỹ theo tỷ giá thống kê quy đổi giữa đô la Mỹ và các loại ngoại tệ khác do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương cung cấp vào ngày cuối cùng của tháng.

2. Quy trình thu NSNN bằng ngoại tệ:

a) Thu ngoại tệ bằng chuyển khoản: Được thực hiện tương tự như quy trình thu NSNN bằng chuyển khoản đối với đồng Việt Nam. Căn cứ chứng từ thu NSNN do ngân hàng gửi đến, KBNN các cấp xử lý:

- KBNN cấp tỉnh hạch toán tăng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng, ghi thu NSNN bằng ngoại tệ; đồng thời, quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ để hạch toán thu NSNN bằng đồng Việt Nam.

- KBNN thực hiện ghi thu quỹ ngoại tệ của NSNN (khoản thu NSNN tại KBNN và khoản ngoại tệ do KBNN cấp tỉnh chuyển về); đồng thời, quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ (chỉ bao gồm số ngoại tệ thu tại KBNN) để hạch toán thu NSNN.

b) Thu ngoại tệ bằng tiền mặt qua ngân hàng: Được thực hiện tương tự như quy trình thu NSNN bằng tiền mặt đối với đồng Việt Nam tại NHTM nơi KBNN mở tài khoản. Căn cứ chứng từ thu NSNN do ngân hàng gửi đến, KBNN các cấp xử lý theo quy trình nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

c) Thu ngoại tệ bằng tiền mặt qua cơ quan thu hoặc thu trực tiếp vào KBNN:

- Trường hợp cơ quan thu trực tiếp thu ngoại tệ bằng tiền mặt, thì phải nộp đầy đủ, kịp thời vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của KBNN cấp tỉnh mở tại ngân hàng. Tại những nơi không thể nộp ngoại tệ vào ngân hàng, cơ quan thu nộp toàn bộ số ngoại tệ đã thu vào KBNN cấp tỉnh. Quy trình thu thực hiện tương tự như trường hợp thu tiền mặt bằng đồng Việt Nam qua cơ quan thu.

- Trường hợp người nộp NSNN trực tiếp nộp ngoại tệ bằng tiền mặt vào KBNN cấp tỉnh, thì quy trình thu thực hiện như thu tiền mặt bằng đồng Việt Nam vào KBNN cấp tỉnh; KBNN cấp huyện không tổ chức thu ngoại tệ bằng tiền mặt.

- Căn cứ số ngoại tệ tiền mặt thu được, KBNN cấp tỉnh thực hiện quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ để hạch toán thu NSNN; đồng thời, gửi toàn bộ số ngoại tệ đã thu vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của KBNN cấp tỉnh tại ngân hàng để chuyển về KBNN (Trung ương).

- Trường hợp KBNN cấp tỉnh không có tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng (do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các NHTM trên địa bàn không tổ chức mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ đối với loại ngoại tệ phát sinh thu NSNN), KBNN cấp tỉnh được bán ngoại tệ bằng tiền mặt cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phần chênh lệch giữa tỷ giá bán ngoại tệ thực tế và tỷ giá hạch toán ngoại tệ được theo dõi và chuyển về KBNN (Trung ương) để quyết toán với ngân sách trung ương. Trường hợp chưa bán được ngoại tệ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, KBNN cấp tỉnh thực hiện đóng niêm phong và quản lý tại kho đối với số ngoại tệ trên; định kỳ hàng tháng, báo cáo về KBNN (Trung ương) để xử lý.

Điều 9. Thu ngân sách nhà nước đối với một số khoản đặc thù khác

1. Đối với các khoản thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu kết dư NSNN; thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước; các khoản ghi thu, ghi chi: KBNN căn cứ hồ sơ, chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc để làm thủ tục hạch toán thu NSNN.

2. Đối với các khoản thu từ các hoạt động kinh tế của Nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho Chính phủ Việt Nam, cho cơ quan nhà nước thuộc địa phương; các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản thu khác theo quy định hiện hành của pháp luật: các cơ quan có nghĩa vụ nộp NSNN thực hiện lập chứng từ nộp tiền vào NSNN và nộp tiền vào KBNN hoặc nộp qua cơ quan thu theo chế độ quy định đối với từng khoản thu.

Mục 3

HOÀN TRẢ CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước

1. Việc hoàn trả các khoản thu NSNN được thực hiện trong các trường hợp:

- a) Thu không đúng chính sách, chế độ;
- b) Cơ chế, chính sách thu có thay đổi;
- c) Người nộp NSNN được miễn, giảm, hoàn thuế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Các khoản hoàn trả theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- đ) Người nộp NSNN có số tiền thuế, tiền phạt và thu khác đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền phạt và thu khác phải nộp đối với từng loại thuế.

2. Quy trình, thủ tục hoàn trả:

a) Trường hợp hoàn trả các khoản thu do cơ quan Thuế, Hải quan quản lý: Quy trình, thủ tục hoàn trả được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Trường hợp hoàn trả các khoản thu không do cơ quan Thuế, Hải quan quản lý: Quy trình, thủ tục hoàn trả được thực hiện như sau:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoàn trả (cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan ra quyết định thu) có trách nhiệm

đối chiếu nội dung hồ sơ đề nghị hoàn trả với các chứng từ thu NSNN của khoản đã nộp trước đó (nhận bản sao chứng từ nộp tiền vào KBNN đối chiếu với bản chính), nếu phù hợp thì lập lệnh hoàn trả khoản thu NSNN, chuyển cho KBNN nơi đã thu NSNN để thực hiện hoàn trả cho người nộp NSNN.

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh hoàn trả, KBNN thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh hoàn trả với chứng từ nộp tiền trước đó, nếu phù hợp thì làm thủ tục hoàn trả cho người được hoàn trả; nếu không phù hợp, thì đề nghị người được hoàn trả hoặc cơ quan có thẩm quyền bổ sung, hoàn chỉnh.

Mục 4

ĐỐI CHIẾU, XỬ LÝ SAI SÓT VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

Điều 11. Đối chiếu số liệu

1. Đối chiếu giữa KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản:

a) Sau thời điểm “cut off time”, các đơn vị KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản (tài khoản thanh toán hoặc tài khoản chuyên thu) thực hiện đối chiếu toàn bộ thông tin, số liệu về số đã thu NSNN (chi tiết theo từng chứng từ truyền/nhận giữa các đơn vị KBNN và NHTM) trên tài khoản của KBNN tại NHTM, bao gồm cả các khoản thu NSNN phát sinh sau thời điểm “cut off time” của ngày làm việc liền kề trước đó, các khoản thu NSNN phát sinh vào ngày nghỉ trước đó (nếu có) và các khoản thu NSNN phát sinh đến thời điểm “cut off time” của ngày làm việc hiện tại;

b) Nguyên tắc đối chiếu:

- Số phát sinh, số dư trên tài khoản của KBNN tại NHTM phải khớp đúng với số liệu trên các tài khoản tương ứng tại KBNN.

- Dữ liệu đối chiếu trong ngày giữa các NHTM và KBNN phải đảm bảo khớp đúng, chi tiết theo từng giao dịch.

- Đối với ngày làm việc cuối tháng, năm, KBNN và NHTM phải phối hợp để việc hạch toán các khoản thu NSNN khớp đúng số liệu trong tháng, năm ngân sách.

- Trường hợp KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện ủy nhiệm thu bằng biên lai thu cho NHTM nơi KBNN mở tài khoản đối với các khoản thu phí, lệ phí, thu phạt vi phạm hành chính, thì phải đối chiếu khớp đúng theo tổng số món, tổng số tiền, số tiền từng món. Hàng tháng, KBNN, NHTM nơi KBNN mở tài khoản và các cơ quan ra quyết định xử phạt thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu chi tiết theo từng cơ quan ra quyết định xử phạt.

c) Việc đối chiếu số dư tài khoản của KBNN tại các NHTM được thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và NHTM nơi KBNN

mở tài khoản. Số dư trên tài khoản của KBNN vào thời điểm cuối tháng, cuối năm sau khi đã thực hiện đối chiếu phải được NHTM nơi KBNN mở tài khoản và KBNN xác nhận, ký, đóng dấu đầy đủ để đảm bảo tính hợp pháp của chứng từ.

2. Đối chiếu giữa KBNN và NHTM mà KBNN không mở tài khoản: KBNN không thực hiện đối chiếu số đã thu NSNN với các NHTM mà KBNN không mở tài khoản. Việc thanh toán, chuyển tiền và đối chiếu từ NHTM phục vụ người nộp NSNN về ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản được thực hiện theo Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Đối chiếu số liệu, xử lý sau đối chiếu, tra soát và điều chỉnh thông tin thu NSNN:

a) Giữa KBNN với các cơ quan Thuế, Hải quan được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 184/2015/TT-BTC và Thông tư số 84/2016/TT-BTC;

b) Giữa KBNN và các cơ quan thu khác (ngoài cơ quan Thuế, Hải quan), thì vận dụng quy trình đối chiếu số liệu tại Thông tư số 84/2016/TT-BTC để đối chiếu khớp đúng số thu NSNN và tỷ lệ phân chia cho các cấp ngân sách theo từng cơ quan thu.

Điều 12. Hạch toán kế toán, báo cáo, quyết toán thu ngân sách nhà nước

1. KBNN tổ chức hạch toán kế toán thu NSNN theo quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc, đảm bảo đúng niên độ ngân sách và mục lục NSNN; việc hạch toán số thu NSNN vào tài khoản của KBNN tại ngân hàng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các NHTM.

2. Trường hợp các khoản thu NSNN bằng chuyển khoản qua ngân hàng hoặc thu trực tiếp tại KBNN thiếu hoặc sai yếu tố để hạch toán thu NSNN, thì KBNN hạch toán vào tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan tương ứng; đồng thời, truyền đầy đủ dữ liệu về số đã thu NSNN được hạch toán vào các tài khoản này cho cơ quan Thuế hoặc cơ quan Hải quan theo quy trình đối chiếu, trao đổi thông tin thu NSNN giữa các cơ quan trong ngành tài chính.

Sau đó, KBNN lập thư tra soát bằng phương thức điện tử có gắn chữ ký số gửi cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan để kiểm tra, đối chiếu, bổ sung thông tin và chuyển nộp NSNN theo quy định.

3. Đối với các khoản tạm thu, tạm giữ khác (ngoài các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều này), KBNN hạch toán vào tài khoản tạm thu, tài khoản tạm giữ. Khi xử lý các khoản trên tài khoản tạm thu, tài khoản tạm giữ, KBNN căn cứ vào quyết định hành chính hoặc văn bản, chứng từ hợp pháp, hợp lệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan quyết định việc tạm thu, tạm giữ, cơ quan được giao quản lý khoản tạm giữ). Đến cuối ngày 31 tháng 12 năm hiện hành, các khoản tạm thu, tạm giữ chưa có quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được chuyển số dư sang năm sau tiếp tục theo dõi xử lý.

4. Đối với các cơ quan, đơn vị có phát sinh khoản thu NSNN được giữ lại để chi theo chế độ quy định, định kỳ phải lập báo cáo chi tiết các khoản thực thu, thực chi gửi cơ quan tài chính. Căn cứ lệnh ghi thu, ghi chi ngân sách do cơ quan tài chính chuyển đến, KBNN thực hiện hạch toán thu, hạch toán chi NSNN.

5. Việc báo cáo định kỳ tình hình thu NSNN, báo cáo kế toán, quyết toán thu NSNN, hoàn trả khoản thu NSNN của ngân sách các cấp được lập theo đúng mẫu biểu, mục lục NSNN và thời hạn quy định của Bộ Tài chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thu ngân sách nhà nước

1. Trách nhiệm của cơ quan Thuế, Hải quan, KBNN, NHTM và các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 84/2016/TT-BTC và Thông tư số 184/2015/TT-BTC.

2. Cơ quan tài chính:

a) Phối hợp với các cơ quan thu khác và KBNN trong việc quản lý thu các khoản thu NSNN; đôn đốc các đối tượng thuộc phạm vi quản lý nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu NSNN vào KBNN;

b) Phối hợp với KBNN hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng mục lục NSNN và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho các cấp ngân sách; rà soát, đối chiếu các khoản thu ngân sách do cơ quan tài chính trực tiếp quản lý.

3. Cục Tin học và Thống kê tài chính:

a) Duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung của ngành tài chính phục vụ việc kết nối trao đổi thông tin giữa các cơ quan Thuế, Hải quan, KBNN, Tài chính và NHTM;

b) Quản trị cơ sở dữ liệu tại trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương. Kiểm soát việc truyền nhận dữ liệu, phát hiện lỗi truyền dữ liệu giữa các bên để có biện pháp giải quyết kịp thời;

c) Đảm bảo hạ tầng truyền thông thông suốt tại Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN; Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu NSNN giữa KBNN - Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan

và các NHTM; Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011.

3. Mẫu Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số C1-02/NS) và Bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT) tại Thông tư này thực hiện theo mẫu Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số C1-02/NS) và Bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT) ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC.

4. Trường hợp các văn bản có liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà

Không ghi vào
khu vực này

CƠ QUAN THU

.....

Mẫu số C1- 01/NS

(TT số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016
của Bộ Tài Chính)
Số:.....

LỆNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành về chế độ thu ngân sách nhà nước,

Cơ quan ra lệnh thu: Mã CQ thu:

Đề nghị NH (KBNN): Tỉnh, TP:

Trích TK số: của:

Mã số thuế: Địa chỉ:

Nộp vào KBNN: Tỉnh, TP:

Để ghi thu NSNN vào TK hoặc nộp vào TK tạm thu số:

Của cơ quan thu: Mã số:

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã NDKT	Mã chương	Kỳ thuế	Số tiền
				Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

PHÂN KBNN GHI:

Mã ĐBHC: Nợ TK:

Mã nguồn NSNN: Có TK:

NGÂN HÀNG A

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG B

Ngày... tháng... năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày..... tháng..... năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Không
ghi vào
khu vực
này

**NGÂN HÀNG NỘI
KBNN MỞ TÀI KHOẢN**

Mẫu số: C1-06/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016
của Bộ Tài chính)
Số:.....

BẢNG KÊ GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho ngân hàng nội KBNN mở tài khoản)

Ngày:...../...../.....

Nợ TK:

Mã quỹ:

.....

.....

Có TK:

Mã KBNN:

.....

.....

Loại tiền:.....

STT	Giấy nộp tiền				Mã cơ quan thu	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Số tiền
	Số chứng từ	Ngày CT	Ngày nộp thuế	Tên người nộp					
I. Phát sinh sau giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm trước									
Tổng cộng									(I)
II. Phát sinh đến giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm nay									
Tổng cộng									(II)
III. Tổng số tiền									(I + II)

Tổng số tiền ghi bằng chữ

.....

NGÂN HÀNG

Ngày... tháng... năm...

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC..... ĐIỂM GIAO DỊCH SỐ...
 NGÂN HÀNG NƠI KBNN MỞ TÀI KHOẢN.....
 CƠ QUAN THU

Mẫu số: 02/BKTP
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 328/2016/TT-BTC ngày
 26/12/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ THU TIỀN PHẠT

Từ ngày.../.../20... đến ngày.../.../20...

Cơ quan ra Quyết định:.....

Loại hình thu:.....

STT	Họ và tên người nộp tiền	Địa chỉ	Quyết định phạt		Chứng từ thu		Ngày nộp	Số tiền		
			Số QĐ	Ngày QĐ	Ký hiệu chứng từ	Số chứng từ		Tiền phạt	Tiền chậm nộp phạt	Tổng số
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (9)+(10)
Tổng tiền loại hình:										

Bằng chữ:

.....

Kế toán

....., ngày..... tháng..... năm 201.....

Kế toán trưởng

Ghi chú: Mỗi cơ quan ra quyết định và loại hình thu có một mã chương, tiểu mục duy nhất.

